TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
V/v yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bảo Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Hoàng
2. Ông Lê Quang Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyên –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17, ngày 25 tháng 9 và ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về "Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 52/TB-TA ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Trung N, sinh năm 1976
Địa chỉ: Số A, phường 6, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Trần Kim L, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ 27, khóm T, phường H, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Linh: Ông Trần Hà P, sinh năm 1976-Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: QL 30, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Đặng Thị N1, sinh năm 1953
Địa chỉ: Tổ 27, khóm T, phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
3.2. Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1980.

3.3. Lê Thanh V, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Số C, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N, chị L có mặt tại phiên tòa; Luật sư P, chị L1, anh V, bà N1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Trung N trình bày:*

Về hôn nhân, anh Nguyễn Trung N và chị Trần Kim L thuận tình ly hôn vào năm 2013 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2013/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, về con chung anh N trực tiếp nuôi con chung và tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung anh N trả cho bà N1 05 chỉ vàng 24k, nhưng đến nay các bên không thỏa thuận được, nay anh N khởi kiện yêu cầu:

Về con chung: Anh N thay đổi việc nuôi con chung, anh N đồng ý chị L được nuôi hai con chung là Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/6/2004 và Nguyễn Hân H sinh ngày 15/11/2008. Anh N đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa hôm nay anh N xin rút lại yêu cầu không yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2013/QĐST-HNGĐ về con chung anh N tiếp tục nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh N và chị L có tài sản chung gồm:

Một căn nhà trên phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh, do anh N và chị L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 24/01/2008, loại đất trồng cây lâu năm, căn nhà chưa được cấp quyền sở hữu nhà.

Diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, do anh N và chị L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 22/7/2008, loại đất lúa.

Tại phiên tòa anh N yêu cầu được hưởng phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh và một căn nhà cấp 4 trên phần diện tích đất trên. Phần diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh thì giao chị L được hưởng. Sau khi hưởng phần diện tích đất trên ai nhận chênh lệch so với phần được hưởng thì trả lại giá trị cho người nhận còn thiếu.

Việc bà N1 yêu cầu anh N trả 05 chỉ vàng 24k thì anh N không đồng ý. Anh N đồng ý trả cho bà N1 2,5 chỉ vàng 24k.

Anh N thống nhất phần diện tích đất tại xã Hòa An hiện nay đã cho chị Nguyễn Thị Thúy L1 và anh Lê Thanh V thuê. Nay anh N không có tranh chấp hợp đồng thuê đất trên.

- *Bị đơn Trần Kim L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị L thuận tình ly hôn với anh N vào năm 2013, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2013/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, việc anh N xin rút lại yêu cầu không yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì chị L cũng đồng ý, về sau có thay đổi việc nuôi con chung chị L đồng ý khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Chị L và anh N trong thời gian vợ chồng chung sống có tạo lập một căn nhà cấp 4 trên phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh, do anh N và chị L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 24/01/2008, loại đất trồng cây lâu năm; diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, do anh N và chị L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 22/7/2008, loại đất lúa.

Về nợ chung: Theo thỏa thuận phân chia tài sản và nợ ngày 24/01/2013 thì anh N đồng ý trả cho bà Đặng Thị N1 05 chỉ vàng 24K trong thời hạn 03 năm, nhưng đến nay anh N chưa thực hiện.

Chị L thống nhất phần diện tích đất tại xã Hòa An hiện nay đã cho chị Nguyễn Thị Thúy L1 và anh Lê Thanh V thuê. Nay chị L không có tranh chấp hợp đồng thuê đất trên.

Tại phiên tòa hôm nay chị L thống nhất anh N hưởng phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh và một căn nhà trên phần diện tích đất trên.

Phần diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh chị L được hưởng.

Việc anh N yêu cầu sau khi nhận hưởng phần diện tích đất trên, ai nhận chênh lệch so với phần được hưởng thì trả lại giá trị cho người nhận còn thiếu nên chị L không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Kim N1 trình bày:

Theo thỏa thuận phân chia tài sản và nợ ngày 24/01/2013 giữa chị L và anh N, thì anh N đồng ý trả cho bà N1 05 chỉ vàng 24K trong thời hạn 03 năm, nhưng đến nay anh N chưa thực hiện. Nay bà N1 yêu cầu anh N trả cho bà N105 chỉ vàng 24K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh V và chị Nguyễn Thị Thúy L1 trình bày:

Anh V và chị L1 là người đang thuê phần diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, do anh N và chị L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 22/7/2008, hai bên chỉ làm giấy tay, thời hạn thuê là 11 năm, hiện nay anh V và chị L1 đã trả tiền thuê đủ cho anh N và chị L. Nay anh V và chị L1 không có tranh chấp hợp đồng thuê đất trên. Đối với cây xoài trên đất hiện nay do anh V và chị L1 trồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án như: Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia đúng thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N. Anh N hưởng phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh và một căn nhà trên phần diện tích đất trên. Chị L hưởng phần diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh. Các diện tích đất trên ai nhận chênh lệch giá trị so với phần được hưởng thì trả lại giá trị cho người nhận còn thiếu.

Chấp nhận một phần yêu cầu bà N1 yêu cầu anh N trả 2,5 chỉ vàng 24K, không chấp nhận yêu cầu bà N1 yêu cầu anh Nam trả 05 chỉ vàng 24K. Buộc anh N trả cho bà N1 2,5 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Nguyễn Trung N đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị N1 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2013/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thì anh N được nuôi hai con chung, nhưng nay anh N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh N đồng ý giao chị L được nuôi hai con chung là Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/6/2004 và Nguyễn Hân H sinh ngày 15/11/2008.

Tại phiên tòa hôm nay anh N rút lại không yêu cầu thay đổi người trực

tiếp nuôi con. Chị L cũng đồng ý việc rút lại yêu cầu của anh N. Hội đồng xét xử xét thấy đình chỉ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh N.

Việc chị L đồng ý anh N rút lại yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, về sau chị L có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì chị L khởi kiện bằng vụ kiện khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Theo quy định tại Điều 213 Bộ luật dân sự quy định: "*Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung*"; Và theo khoản 1, Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;....*" Trên cơ sở quy định của pháp luật nêu trên, Hội đồng xem xét yêu cầu của anh N về tài sản chung, cụ thể như sau:

Anh N yêu cầu được hưởng phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh và một căn nhà trên phần diện tích đất trên. (Diện tích đất 82m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6 về mốc 1).

Phần diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh thì chị L được hưởng. (Diện tích đất 998,5m^2 trong phạm vi các mốc C, 1, 2, 3, A, B về mốc C).

Sau khi hưởng phần diện tích đất trên ai nhận chênh lệch so với phần được hưởng thì trả lại giá trị cho người nhận còn thiếu.

Hội đồng xét xử xét thấy tài sản chung gồm diện tích đất và nhà tại thửa 1008, tờ bản đồ số 5, qua thẩm định thực tế diện tích đất là 82m^2, diện tích nhà là 54,6m^2 và thửa 943, tờ bản đồ số 17, diện tích là 998,5m^2. Việc anh N yêu cầu là phù hợp: Bởi vì tại phiên tòa chị L thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phần tài sản chung như trên, ngoài ra phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh và một căn nhà trên phần diện tích đất do anh N đang sử dụng, anh N sử dụng từ khi anh N và chị L ly hôn, còn chị L không có sử dụng phần diện tích và căn nhà trên mà chị L đang quản lý sử dụng phần diện tích đất thửa 943, tờ bản đồ số 17, diện tích là 998,5m^2 đất tọa lạc tại xã Hòa An.

Ngoài ra, anh N yêu cầu phần diện tích đất trên ai nhận chênh lệch so với phần được hưởng thì trả lại giá trị cho người nhận còn thiếu.

Theo biên bản định giá thì: Đất tại thửa 1008 đất, tờ bản đồ số 5, loại đất lâu năm có giá 187.000 đồng/m^2 x 82m^2 = 15.334.000 đồng.

Nhà cấp 4 trên thửa 1008, tờ bản đồ số 5, diện tích 54.6m^2 x 376.000 đồng/ m^2 = 20.529.600 đồng.

Tổng giá trị nhà và đất tại thửa 1008, tờ bản đồ số 5 là 35.863.600 đồng.

Đất tại thửa 943, tờ bản đồ số 17, diện tích 998,5m^2 loại đất lúa có giá 60.500 đồng/m^2 thành tiền là 60.409.250 đồng. (998,5m^2 x 60.500 đồng/m^2)

Tổng cộng tài sản chung vợ chồng là 35.863.600 đồng + 60.409.250 đồng

= 96.272.850 đồng, mỗi người được hưởng ½ giá trị là 48.136.425 đồng.

Anh N hưởng phần đất và một căn nhà cấp 4, tại thửa 1008, tờ bản đồ số 5 có giá trị là 35.863.600 đồng, còn thiếu so với tài sản chung được hưởng là 12.272.825 đồng.

Với những phân tích trên việc anh N yêu cầu là có căn cứ chấp nhận.

Chị L hưởng phần đất tại thửa 943, tờ bản đồ số 17, diện tích 998,5m^2 loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã Hòa An có giá 60.409.250 đồng là dư so với tài sản chung là 12.272.825 đồng cho nên chị L có trách nhiệm trả lại cho anh N số tiền là 12.272.825 đồng.

Anh Nguyễn Trung N và chị Trần Kim L có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thay đổi quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất anh N và chị L được hưởng theo quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thuê phần diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh, do anh N và chị L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 22/7/2008, hai bên chỉ làm giấy tay, thời hạn thuê là 11 năm, hiện nay anh V và chị L1 đã trả tiền thuê đủ cho anh N và chị L. Nay anh V, chị L1, anh N và chị L không có tranh chấp hợp đồng thuê đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung:

Theo thỏa thuận phân chia tài sản và nợ ngày 24/01/2013 giữa chị L và anh N, thì anh N đồng ý trả cho bà Đặng Thị N1 05 chỉ vàng 24K trong thời hạn 03 năm, nhưng đến nay anh N chưa thực hiện. Nay bà N1 yêu cầu anh N trả cho bà N1 05 chỉ vàng 24K.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N1 yêu cầu là chưa có căn cứ chấp nhận, bởi vì giữa anh N và chị L đều thừa nhận trong thời gian vợ chồng còn chung sống thì 05 chỉ vàng 24k là do vợ chồng cùng nợ bà N1, ngoài ra theo thỏa thuận phân chia tài sản và nợ ngày 24/01/2013 thì tại thời điểm thỏa thuận về khoản nợ thì anh N và chị L không có khoản nợ nào khác và bà N1 cũng không có ký vào tờ thỏa thuận trên, cho nên khoản nợ 05 chỉ vàng 24K là nợ chung của anh N và chị L, vì vậy anh N có trách nhiệm trả ½ số nợ trên cho bà N1 là phù hợp. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà N1, anh N có nghĩa vụ trả cho bà Nhanh 2,5 chỉ vàng 24K.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm:

Anh N được hưởng phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5, một căn nhà trên phần diện tích đất tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh và số tiền là 12.273.000 đồng. Anh N phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng.

Chị L được hưởng phần diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh. Chị L phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng.

Anh phải chịu đối với một phần yêu cầu của bà N1 được chấp nhận.

Bà N1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Nhưng do bà N1 thuộc diện người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà N1.

[6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Anh N đã đóng là 6.124.000 đồng, anh N chịu ½ và chị L chịu ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, do anh N đã tạm ứng và đã chi xong nên chị L có trách nhiệm trả lại cho anh N ½ số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 9 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Trung N về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2] Tài sản chung:

Anh Nguyễn Trung N được hưởng phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5 và một căn nhà cấp 4 trên phần diện tích đất 82m^2, thửa 1008, tờ bản đồ số 5; đất và nhà tọa lạc tại phường 6, thành phố Cao Lãnh và số tiền là 12.272.825 đồng. (Diện tích đất và nhà được thể hiện qua bản đồ đo đạc ngày 28/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh) Diện tích đất 82m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6 về mốc 1.

Chị Trần Kim L được hưởng phần diện tích đất 998,2m^2, thửa 943, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại xã Hòa An, thành phố Cao Lãnh. (Diện tích đất được thể hiện qua bản đồ đo đạc ngày 22/02/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh). Diện tích đất 998,5m^2 trong phạm vi các mốc C, 1, 2, 3, A, B về mốc C.

Buộc chị Trần Kim L trả cho anh Nguyễn Trung N số tiền chênh lệch tài sản là 12.272.825 đồng.

Kể từ ngày anh Nguyễn Trung N có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Trần Kim L chưa thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị L còn phải chịu lãi cho anh N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Anh Nguyễn Trung N và chị Trần Kim L có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thay đổi quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất anh N và chị L được hưởng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị N1 yêu cầu anh Nguyễn Trung N trả 05 chỉ vàng 24k.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Thị N1 yêu cầu anh Nguyễn Trung N trả 2,5 chỉ vàng 24k.

Buộc anh Nguyễn Trung N trả 2,5 chỉ vàng 24k cho bà Đặng Thị N1.

Kể từ ngày bà Đặng Thị N1 có đơn yêu cầu thi hành án số vàng trên mà anh Nguyễn Trung N chậm thanh thi hành án thì anh N còn phải chịu lãi suất cho bà N1 theo mức lãi suất tương ứng của ba ngân hàng tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

[4] Án phí sơ thẩm về tài sản chung:

Anh Nguyễn Trung N được hưởng tài sản chung của vợ chồng thành tiền là 48.136.425 đồng nên anh N phải chịu án phí về tài sản là 2.406.821 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã đóng là 2.750.000 đồng theo biên lai thu số 0005190 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh N được nhận lại số tiền là 343.179 đồng.

Chị L được hưởng tài sản chung của vợ chồng thành tiền là 48.136.425 đồng nên chị L phải chịu án phí về tài sản là 2.406.821 đồng.

Anh Lê Thanh V, chị Nguyễn Thị Thúy L1, anh Nguyễn Trung N và chị Trần Kim L không có tranh chấp hợp đồng thuê đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí về nợ chung :

Bà Đặng Thị N1 được miễn án phí, bà N1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà N1 đã đóng là 437.000 đồng theo biên lai thu số 0008744 ngày 24/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Anh Nguyễn Trung N phải chịu án phí là 512.500 đồng.

[6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Nguyễn Trung N và chị Trần Kim L phải chịu, do anh N đã tạm ứng 6.124.000 đồng và đã chi xong, chị L có trách nhiệm trả lại cho anh N ½ chi phí trên là 3.062.000 đồng.

Anh Nguyễn Trung N và chị Trần Kim L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Thanh V, chị Nguyễn Thị Thúy L1 và bà Đặng Thị N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Bảo Giang